HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **93**/2019/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XIV KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 7/01/2019 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 851/BC-KTNS ngày 25/02/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, như sau:

1. Sửa đổi mục II, III, Khoản 1, Điều 1:

"1. Định mức tính theo biên chế của cấp có thẩm quyền giao

TT	Loại hình đơn vị	Định mức chi khác (*Triệu đồng/biên chế/ năm*)
I	**MTTQ và các đoàn thể chính trị**	**45,0**
II	**Cơ quan quản lý nhà nước**	
	Văn phòng HĐND tỉnh, UBND tỉnh	52,0
	Dưới 30 biên chế	39,5
	Từ 30 biên chế đến 59 biên chế	33,5
	Từ 60 biên chế trở lên	32,5

2. Sửa đổi số thứ tự 3.2, tiết 3, mục I và mục II, Điểm 4.1, Khoản 4, Điều 2:

"4.1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp y tế cấp tỉnh *(Ngân sách hỗ trợ)*

TT	Loại hình đơn vị	Định mức chi khác *(Triệu đồng/giường bệnh/ năm)*
I	**Khám chữa bệnh**	
3.2	Bệnh viện chuyên khoa dưới 100 giường	24,0
II	**Khối y tế dự phòng**	**18,3**

3. Sửa đổi số thứ tự 1, Điểm 4.2, Khoản 4, Điều 2:

"4.2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo cấp tỉnh *(Ngân sách hỗ trợ)*

TT	Loại hình đơn vị	Định mức chi khác (*Triệu đồng/học sinh/ năm*)
1	**Sự nghiệp giáo dục (tính theo học sinh)**	
	Trung học phổ thông	1,12
	Trung học phổ thông chuyên	3,70
	Trường dân tộc nội trú	3,70

4. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ bảy, điểm 4.2, Khoản 4, Điều 2:

"Đối với Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh: Ngân sách nhà nước đảm bảo dự toán chi theo cơ cấu: Chi quỹ tiền lương tối đa 81%, chi khác tối thiểu 19%."

5. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất, Điều 4:

"Phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 đến 18 tuổi.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	1.538.274
2- Miền núi	2.563.588
3- Vùng cao	3.949.535

6. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất, Điều 7:

"Phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	109.058
2- Miền núi	146.809
3- Vùng cao	192.056

7. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất, Điều 8:

"Phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	9.063
2- Miền núi	9.646
3- Vùng cao	12.476

8. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất, Điều 9:

"Phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	9.063
2- Miền núi	9.646
3- Vùng cao	12.476

9. Bổ sung Điểm 4.3, khoản 4, Điều 2:

"4.3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp đảm bảo xã hội; sự nghiệp văn hóa - thể thao - du lịch; sự nghiệp phát thanh truyền hình và các sự nghiệp kinh tế khác: Chi lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối đa 81%, chi khác tối thiểu 19% dự toán chi thường xuyên theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng."

Điều 2. Định mức sửa đổi và bổ sung tại Điều 1 đã bao gồm chi tiền công lao động và chi hoạt động thường xuyên cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách quyết định số lao động hợp đồng theo nhu cầu của đơn vị.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về việc bổ sung điểm 4.3 vào khoản 4, Điều 2, quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ ba thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 03 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội , Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin; Lưu trữ LS tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, (150b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Chất